TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC T- AN GIANG** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 63/2026/QĐST-DS	*An giang, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã G, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Đào Thị Xuân D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà I, tổ C, ấp B, xã B, tỉnh An Giang; Chỗ ơ: Ấp T, xã G, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Doãn Minh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã G, tỉnh An Giang;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H yêu cầu bà Đào Thị Xuân D trả lại số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và phạt cọc 01 lần số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tổng cộng yêu cầu bà Đào Thị Xuân D phải trả và bồi thường cọc số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông Doãn Minh T là chồng của bà H, thống nhất ý kiến bà H yêu cầu bà D thanh toán số tiền trên cho vợ chồng ông. Ông bà thống nhất trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA02381353 thửa đất số 13, tờ bản đồ số

26, diện tích 18.000m2, loại đất nuôi trồng thuỷ sản (NTS), thời hạn sử dụng đất: 11/11/2065, địa chỉ: Ấp T, xã G, tỉnh An Giang cho bà Đào Thị Xuân D.

Bà Đào Thị Xuân D thống nhất trả cho bà H, ông T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và đồng ý phạt cọc số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tổng cộng,bà D đồng ý thanh toán cho bà H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Bà yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả lại cho bà G chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA02381353 thửa đất số 13, tờ bản đồ số 26, diện tích 18.000m2, loại đất nuôi trồng thuỷ sản (NTS), thời hạn sử dụng đất: 11/11/2065, địa chỉ: Ấp T, xã G, tỉnh An Giang

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thời gian thanh toán như sau: Bà Đào Thị Xuân D thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho bà Phạm Thị H và ông Doãn Minh T vào ngày 28/10/2026.

Bà Phạm Thị H, ông Doãn Minh T có nghĩa vụ giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA02381353 thửa đất số 13, tờ bản đồ số 26, diện tích 18.000m2, loại đất nuôi trồng thuỷ sản (NTS), thời hạn sử dụng đất: 11/11/2065, địa chỉ: Ấp T, xã G, tỉnh An Giang cho Cơ quan thi hành án dân sự Khu vực T ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thi hành án, đề nghị Cơ quan thi hành án giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên cho bà Đào Thị Xuân D.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng 147 Bộ Luật tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bà Phạm Thị H và bà Đào Thị Xuân D chịu mỗi người một nửa số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà H được khấu trừ lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003730 ngày 25/6/2026 tại Thi hành án dân

sự tỉnh An Giang, bà H được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 8 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Diễm